

Bản án số 25/2025/DS - ST

Ngày 28 - 10 - 2025

v/v "*Tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng ngô
sinh khối và yêu cầu bồi thường thiệt hại*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Liễu và ông Hoàng Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực A - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực A - Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A (Cơ sở B), tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLST – DS, ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng ngô sinh khối và yêu cầu bồi thường thiệt hại*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/TLST – DS, ngày 17 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công N1, sinh năm 1990. Có mặt.

Nơi cư trú: Số B, đường L, xã P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1983. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn C, xã U, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1983.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số C, đường N, xã P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Công N1 trình bày yêu cầu và phạm vi khởi kiện như sau:

Ngày 19/05/2023, ông Nguyễn Văn X đến mua một số hàng hóa phục vụ việc trồng cây B (Ngô) tại rẫy có diện tích 04ha thuộc buôn C - C - K. Các mặt hàng ông X lấy của tôi có tổng giá trị là 50.405.000 (Năm mươi triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng). Khi đó, hai chúng tôi cùng tự nguyện thỏa thuận nội dung sau:

- Tôi (cửa hàng N2) đồng ý bán nợ cho ông X số hàng hóa trên để phục vụ việc ông X trồng cây B và đến khi B đạt năng suất, đủ điều kiện thu hoạch tôi sẽ hỗ trợ tiêu thụ số Bắp ông X đã trồng và đồng thời thu lại tiền nợ, hai bên thỏa thuận thời gian thu hoạch Bắp là vào tháng 8/2023.

- Ông X thống nhất sau khi thu hoạch bắp sẽ bán số B đã trồng cho tôi và trả lại đủ số tiền mua hàng hóa đã nợ.

Đến khoảng giữa tháng 8/2023, khi cây Bắp đủ điều kiện thu hoạch ông X không gọi cho tôi để sắp xếp kế hoạch thu, mà ông X lại gọi cho ông T (là cán bộ nông vụ phụ). Trong khi hợp đồng là giữa tôi và ông X ký với nhau, nhưng khi ông T không sắp xếp được kế hoạch thu Bắp cây, đến khi cây B đã già tôi mới hướng dẫn ông X để khô và thu Bắp hạt, ông X có trả lời “đành làm vậy chứ biết sao”.

Tháng 10/2023, tôi được biết ông X đã bán số Bắp đã trồng trên cho doanh nghiệp Đ (địa chỉ buôn C - xã C - K) với tổng số tiền khoảng 90.000.000 đồng. Ông X đã nhận được số tiền trên tuy nhiên không trả số tiền mua hàng hóa đã nợ cho tôi. Tôi đã đến gặp và hỏi nhiều lần, nhưng ông X đã lấy nhiều lý do để trốn tránh và cố tình không trả nợ cho tôi.

Nhận thấy việc làm của ông X là sai phạm thỏa thuận đôi bên, đồng thời ông X có khả năng để trả nợ nhưng cố tình không trả.

Nay tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai buộc ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị L liên đới phải trả cho tôi số tiền đã nhận đầu tư tổng giá trị là 50.405.000 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày nhận tiền và vật tư đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa tôi thay đổi quan điểm khởi kiện chỉ yêu cầu ông X, bà L liên đới trả tiền đầu tư là 30.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ 50.405.000 đồng. Tôi không yêu cầu tính lãi nữa.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông X trình bày: Năm 2023 tôi có ký hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh (V/v cung ứng và bao tiêu cây Ngô sinh khối) với H kinh doanh Nhật Ý, tổng diện tích là 04 ha. Theo đó Nhật Ý sẽ đầu tư toàn bộ phân bón, giống B, hướng dẫn kỹ thuật trồng, thời gian trồng và thu hoạch theo kế hoạch của phía Nhật Ý. Đồng thời, Nhật Ý phải bao tiêu toàn bộ cây Ngô sinh khối cho gia đình tôi. Toàn bộ tiền đầu tư sẽ được phía Nhật Ý khấu trừ khi thu mua cây Ngô. Tuy nhiên, khi đến ngày thu hoạch thì Nhật Ý không tổ chức thu mua nên tôi phải tiếp tục chăm sóc, coi giữ để chuyển sang thu hoạch hạt Ngô. Khi thu hoạch xong Ngô hạt thì ông Nguyễn Công

N1 đã liên hệ và đến nhà tôi để yêu cầu thanh toán tiền đầu tư tổng cộng là 50.405.000 đồng. nhưng tôi không đồng ý vì lý do Nhật Ý đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng và gây thiệt hại về kinh tế đối với tôi. Thiệt hại bao gồm: Tiền công chăm sóc, tiền vật tư, tiền thuê máy tuốt hạt, hoa lợi (do không bán được).

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 12 xem xét giải quyết cho tôi yêu cầu sau: Yêu cầu hộ kinh doanh Nhật Ý phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho tôi 60.735.900 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng) do vi phạm Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh.

Còn số nợ mà ông N1 yêu cầu chúng tôi trả tiền đầu tư là 50.405.000 đồng theo như tờ giấy ông N1 nộp cho Tòa án thì tôi công nhận là tôi có ký ghi họ tên Nguyễn Văn X ở cuối tờ giấy này. Nhưng đây không phải là giấy tờ gốc mà ông N1 ghi sang và nói tôi ký. Nay tôi yêu cầu ông N1 cung cấp các tờ giấy gốc tôi lấy từng loại vật tư có ký vào nộp cho Tòa án, tôi không đồng ý trả số nợ này. Tờ giấy ông N1 cung cấp cho Tòa án không khách quan, minh bạch. Tôi cũng không đồng ý với văn bản số 414 của UBND xã U.

Bà L có ý kiến: Bà L đồng ý, có chung quan điểm với ông X.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc T trình bày trong biên bản hòa giải ngày 26/3/2025 như sau:

Giữa tôi và hộ ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị L có quen biết, làm việc về Ngô sinh khối. Sau đó tôi có giới thiệu hộ ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị L cho ông Nguyễn Công N1 đầu tư và ký hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh (V/v cung ứng và bao tiêu cây Ngô sinh khối).

Giữa ông Nguyễn Công N1 và hộ ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị L đã ký kết hợp đồng đầu tư với nhau; hộ ông X, bà L đã nhận đầu tư của ông N1. Khi ông X và bà L thu hoạch N có gọi điện cho tôi bảo tôi xem qua thu mua thì tôi có nói họ gọi qua cho ông N1 vì tôi không có liên quan gì đến hợp đồng ký kết giữa hai bên.

4. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là: Tại hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh giữa hộ đăng ký kinh doanh Nhật Ý (bên A) và ông Nguyễn Văn X (bên B) thể hiện nội dung bên B đồng ý bán, bên A đồng ý đầu tư và mua toàn bộ sản lượng cây ngô tươi của bên B để khấu trừ vào tiền đầu tư đã bỏ ra. Bên A đầu tư, ứng trước cho bên B giống: 20kg/ha, phân NPK: 400-600kg/ha, tiền giống, phân được khấu trừ sau khi bên A thu mua (có danh mục công nợ đầu tư vật tư cụ thể kèm theo). Tổng trị giá là 50.405.000 đồng (Theo giấy viết tay có chữ ký của ông X xác nhận).

Bên B có trách nhiệm không được tự ý bán cây ngô cho bên thứ 3 khi chưa có sự đồng ý của bên A bằng văn bản. Tuy nhiên, khi cây bắp đủ điều kiện thu hoạch thì ông X không gọi cho ông N1 để sắp xếp kế hoạch thu mua mà ông X lại gọi cho ông T là cán bộ nông vụ (ông T cũng trình bày việc ông X có gọi điện xem qua thu mua bắp). Đến khi ông T không sắp xếp được kế hoạch thu bắp và cây bắp đã già thì ông N1 hướng dẫn cho ông X để khô và thu bắp hạt, hai bên không có thỏa thuận thêm nội dung gì. Vào tháng 10/2023, ông X đã bán số bắp đã trồng trên cho doanh nghiệp Đ (địa chỉ buôn C, xã C, K) với tổng số tiền 82.439.100 đồng. Như vậy, ông X đã vi phạm quy định tại Điều 3 của hợp đồng về quyền và trách nhiệm của bên B. Việc ông X nhận đầu tư nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống của gia đình. Do vậy nguyên đơn ông Nguyễn Công N1 yêu cầu ông X, bà L liên đới trả số tiền đầu tư là có cơ sở.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông N1 thì căn cứ vào bản hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh năm 2023 thì thấy điều khoản của hợp đồng không đề cập đến lãi suất và tại phiên tòa ông N1 cũng rút yêu cầu tính lãi cho nên không xem xét.

Xét về mặt chủ quan: Nguyên đơn ông N1 cũng có một phần lỗi như không đề xuất thời gian, tiến độ, kế hoạch, phát lệnh thu hoạch; không thường xuyên kiểm tra chất lượng cây ngô theo hợp đồng. Như vậy, cả hai bên đều có vi phạm trong thực hiện hợp đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn X, về việc yêu cầu H kinh doanh Nhật Ý phải bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 60.735.900 đồng, thì thấy bị đơn ông Nguyễn Văn X chỉ cung cấp tờ giấy viết tay không có hóa đơn, chứng từ cụ thể, ngoài ra cũng không đưa ra được những chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho số tiền thiệt hại cho nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cụ thể như sau: Tiền thuê đất theo yêu cầu của bị đơn ông X là 28.000.000 đồng.

Căn cứ vào công văn số: 414/CV-UBND, ngày 23/10/2025 của UBND xã U, tỉnh Gia Lai về việc phối hợp cung cấp thông tin liên quan đến sản xuất nông nghiệp đối với Ngô sinh khối, Ngô lấy hạt trên địa bàn từ năm 2023 đến nay.

Các khoản đầu tư, chăm sóc từ khi thu hoạch Ngô sinh khối đến khi thu hoạch Ngô hạt là 3.000.000 đồng x 04 hecta = 12.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với hai khoản chi phí tiền trên, tổng cộng là 40.000.000 đồng.

Tiền hộ kinh doanh Nhật ý đã đầu tư cho hộ ông X 50.405.000 đồng. Ông X, bà L bán Ngô khô với số tiền 82.439.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền đầu tư cho H1 (82.439.000 đồng - 50.405.000 đồng = 32.034.000 đồng), số tiền ông X, bà L thiệt hại số tiền là (40.000.000 đồng - 32.034.000 đồng) = 7.965.900 đồng. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông X, buộc hộ kinh doanh Nhật ý phải trả lại cho ông X số tiền này.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 288, 385, 401, 410 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công N1 buộc bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị L phải liên đới trả số tiền đầu tư là 30.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông X buộc hộ kinh doanh N1 ý thanh toán cho bị đơn ông X số tiền 40.000.000 đồng trừ đi số tiền ông Xiêm đã bán bắp khô; hộ kinh doanh Nhật ý phải trả cho X số tiền 7.965.900 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Công N1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị L liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng ngô sinh khối và yêu cầu bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và nguyên đơn ông Nguyễn Công N1 khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại xã U, tỉnh Gia Lai (xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai cũ), nên Tòa án nhân dân Khu vực A – Gia Lai (Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai cũ) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực A – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 (Sau đây gọi tắt là BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc T nhưng ông T không đến tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa lần thứ hai ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông T là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án

[3.1] Về hợp đồng đầu tư trồng ngô sinh khối: Căn cứ vào chứng cứ là 01 (Một) Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh trên 03 trang giấy A4 (Bút lục 03-05) có nội dung chính thỏa thuận về việc Hộ đăng ký kinh doanh Nhật Ý ông

Nguyễn Công N1 đầu tư tiền, giống, phân NPK và thu mua Ngô sinh khối cho ông Nguyễn Văn X cuối hợp đồng có chữ ký và ghi đại diện bên A Nguyễn Công N1, Đại diện bên B Nguyễn Văn X; cùng 01 (Một) tờ giấy kê ô vuông (Bút lục 07) ghi số lượng giống, phân bón và vật tư tổng thành tiền 50.405.000 đồng có chữ ký và ghi X, Nguyễn Văn X ở cuối các nội dung đã ghi mà nguyên đơn ông N1 cung cấp cho Tòa án, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở để khẳng định ông N1 đã biết và thỏa thuận xác lập một hợp đồng hợp tác kinh doanh mà ông N1 đã giao vật tư tổng cộng thành tiền 50.405.000 đồng cho ông X. Nguyên đơn và bị đơn không không phản đối tình tiết này vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của BLTTDS, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thấy việc tự nguyện thiết lập hợp đồng đầu tư trồng Ngô sinh khối giữa ông N1 và ông X, bà L là có thật, ông N1 đã đầu tư cho ông X, bà L các khoản giống, phân bón và vật tư khác tổng cộng thành tiền là: 50.405.000 đồng (*Năm mươi triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng*), nhưng ông X, bà L chưa trả số tiền này cho ông N1 cũng như không thông báo, không bán N đã thu hoạch cho ông N1 mà bán cho người khác; mặc dù tại Điều 3 của Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh (Bút lục 03 đến 05) quy định trách nhiệm của bên B (ông X) “Không được tự bán cây ngô cho bên thứ 3 khi chưa có sự đồng ý của bên A bằng văn bản” là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357, 430, 440 của Bộ luật dân sự 2015. Nên việc khởi kiện của nguyên đơn ông N1 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Việc ông X ký hợp đồng và nhận các loại vật tư của ông N1 mặc dù do một mình ông X ký xác lập. Nhưng bà L đều biết về hợp đồng và số vật tư này, bà L cùng ông X sử dụng các vật tư này để trồng, chăm sóc, sản xuất Ngô sinh khối thu lợi nhuận. Vì vậy, bà L phải có nghĩa vụ liên đới với ông X trả số tiền nợ đầu tư cho ông N1.

Tại phiên tòa ông N1 thay đổi quan điểm khởi kiện chỉ yêu cầu ông X, bà L trả 30.000.000 đồng tiền nợ đầu tư trong tổng số nợ 50.405.000 đồng gốc là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[3.2] *Về yêu cầu phản tố của bị đơn ông X:* Quá trình giải quyết vụ án thì ông X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N1 phải bồi thường toàn bộ thiệt hại 60.735.900 đồng (*Sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng*) do vi phạm Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và kinh doanh, nộp kèm theo đơn là Bảng kê chi phí sản xuất và bảng mã cân (Bút lục 46 đến 49) do ông X, bà L tự kê khai, ngoài ra ông X, bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét yêu cầu của ông X, bà L cùng các giấy tờ ông X, bà L đã nộp thì HĐXX thấy:

Bảng kê chi phí sản xuất và bảng mã cân là do ông X, bà L tự ghi và kê nộp cho Tòa án thể hiện nội dung các khoản chi phí mà ông X, bà L đã đầu tư trồng Ngô sinh khối; đối chiếu với Hợp đồng mà các bên đã ký kết (Bút lục 03 đến 05) thì không có Điều khoản nào trong hợp đồng này quy định về việc phía ông N1 phải có nghĩa vụ đầu tư toàn bộ nguyên vật liệu, tiền cho bên ông X, bà L trồng Ngô sinh K; ngoài ra ông X, bà L cũng không chứng minh được mình đã báo cho ông N1 đến thu mua Ngô sinh khối, mà chỉ báo cho ông T; các khoản chi phí và mã cân này không được xem là chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh thiệt hại đã yêu cầu; ông X, bà L cũng không chứng minh được các khoản đầu tư để trồng 04 heta Ngô sinh khối là bao nhiêu, không tính được số lượng, sản lượng mà ông X, bà L thu được bao nhiêu để trừ đi ra số thiệt hại mà ông X yêu cầu; ông X, bà L đã tự ý bán toàn bộ sản phẩm Ngô cho người khác mà chưa có sự đồng ý của ông N1; ông X, bà L không chứng minh được thiệt hại của mình do ông N1 là người gây ra.

Tại Công văn số 414/CV-UBND ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã U có cung cấp các thông tin cho Tòa án như: giá tiền thuê 01 hecta đất tại địa bàn xã U từ 2023 đến nay trung bình là 10.000.000 đ/hecta, các khoản đầu tư chăm sóc (không tính tiền thuê đất) trung bình cho 01 hecta Ngô sinh khối và 01 hecta Ngô lấy hạt khô từ năm 2023 đến nay là 15.000.000 đồng/hecta (đối với N lấy hạt) và 12.000.000 đồng/hecta (Đối với Ngô sinh khối); Sản lượng trung bình khi thu hoạch 01 hecta Ngô lấy hạt khô tại xã U năm 2023 đến nay là 7-8 tấn/hecta. Như vậy, căn cứ vào số liệu tại Công văn này thì tiền đầu tư các loại ông X trồng 04 hecta Ngô lấy hạt trung bình là 100.000.000 đồng, sản lượng thu được trung bình là 28 - 32 tấn, theo giá mà ông X cung cấp thì thành tiền trung bình từ 160.000.000 đồng -190.000.000 đồng. Trừ đi chi phí nhận đầu tư của ông N1 và tiền thuê đất thì ông X, bà L vẫn còn lãi trung bình 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng. Ông X cho rằng mình đầu tư 04 hecta Ngô này hết 143.175.000 đồng, bán được 82.439.100 đồng, bị thua lỗ 60.735.900 đồng là không phù hợp và chính xác.

Xét Công văn số 414/CV-UBND ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã U thì do Chủ tịch UBND xã Uar ký, đóng dấu Quốc huy mực đỏ cung cấp cho Tòa án trên cơ sở cử cán bộ chuyên môn lĩnh vực nông nghiệp thu thập thông tin tại địa bàn xã là có tính pháp lý và giá trị tham khảo, việc ông X không đồng ý nội dung, số liệu trong văn bản này mà không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để bác bỏ là không chứng minh được quan điểm của mình nên không được HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra ông X có yêu cầu Tòa án buộc ông N1 phải cung cấp các chứng từ gốc khác đối với việc ông X nhận vật tư trồng Ngô sinh khối từ ông N1. Ông X cho rằng tờ giấy ghi các khoản đầu tư (Bút lục 07) mà ông N1 cung cấp cho Tòa án là không minh bạch, khách quan. Tại phiên tòa ông N1 khẳng định các nội dung trong giấy này là do ông N1 ghi trong cuốn sổ nợ chung của gia đình khi bán hàng, sau đó được ông N1 cắt ra giao nộp cho Tòa án, phần cuối của tờ giấy thì ông X ký ghi họ tên. Ông X cũng thừa nhận là tự nguyện xem, đọc toàn bộ nội dung của tờ giấy ghi nợ này, đúng các khoản đầu tư ông nhận từ ông N1 và ký, ghi họ tên vào cuối các nội

dung ông N1 đã ghi. HĐXX thấy việc ghi và ký của ông X vào tờ giấy nhận nợ vật tư thành tiền do ông N1 cung cấp cho Tòa án là hoàn toàn tự nguyện, không có việc ông N1 ép buộc, đe dọa hay lừa dối; do đó tờ giấy nhận nợ này là hoàn toàn minh bạch, khách quan, việc ông X trình bày tờ giấy ký nhận nợ này không minh bạch, khách quan là không có căn cứ pháp lý.

Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn X về việc buộc ông N1 phải bồi thường thiệt hại số tiền 60.735.900 đồng (*Sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng*) cho ông X.

[3.3] *Về yêu cầu tính lãi:* Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì ông N1 có yêu cầu ông X, bà L phải trả lãi của số tiền nợ gốc. Tuy nhiên tại phiên tòa ông N1 tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi số tiền nợ gốc. Việc thay đổi yêu cầu tính lãi này thể hiện ý chí tự nguyện của ông N1 nên được HĐXX chấp nhận.

Từ đánh giá và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N1, xử buộc bị đơn ông X, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông N1 khoản nợ vật tư các loại thành tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Gia Lai về việc đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên HĐXX đồng ý; Còn Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Gia Lai đề nghị chấp nhận một phần quan điểm của bị đơn thì HĐXX thấy: Căn cứ vào công văn số: 414/CV-UBND, ngày 23/10/2025 của UBND xã U thì tiền thuê đất và tiền chăm sóc, đầu tư đối với N lấy hạt tổng cộng là 25.000.000 đồng/hecta, 04 hecta thành tiền trung bình là 100.000.000 đồng, sản lượng bán được trung bình là 159.000.000 đồng đến 182.000.000 đồng theo giá ông X bán tại thời điểm năm 2023. Như vậy, 04 hecta Ngô lấy hạt như ông X trồng trừ chi phí sẽ lãi trung bình gần 60.000.000 đồng. Nhưng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai lại chấp nhận tiền thuê đất theo yêu cầu của bị đơn ông X 28.000.000 đồng và căn cứ vào công văn số: 414/CV-UBND, ngày 23/10/2025 của UBND xã U, tính các khoản đầu tư, chăm sóc từ Ngô sinh khối đến khi lấy hạt hết 12.000.000 đồng cộng lại để đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với hai khoản chi phí tiền trên, tổng cộng là 40.000.000 đồng là không chính xác vì hai khoản này chỉ là một phần trong tổng chi phí đầu tư trung bình cho 04 hecta Ngô lấy hạt; Đồng thời căn cứ vào lời khai của bị đơn bán được toàn bộ sản lượng Ngô thu hoạch thành tiền 82.439.000 đồng là thấp hơn khoảng 50% sản lượng so với mức trung bình do cơ quan chuyên môn cung cấp, bên cạnh đó ông X cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh được mình chỉ thu được số tiền 82.439.000 đồng từ việc thu hoạch 04 hecta Ngô đã trồng, nên việc VKSND Khu vực A đề nghị HĐXX chấp nhận một phần khởi kiện của ông X là không có căn cứ. Do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị này của VKSND Khu vực A – Gia Lai.

[4] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông N1 được chấp nhận nên bị đơn ông X, bà L phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông N1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông X không được chấp nhận nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 385, 401, 410, 440 của Bộ luật dân sự 2015,

- Áp dụng khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Công N1 số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn ông Nguyễn Văn X về việc buộc nguyên đơn ông Nguyễn Công N1 bồi thường thiệt hại số tiền 60.735.900 đồng (*Sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng*).

3. Về án phí:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới nộp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công N1 được chấp nhận.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận là 60.735.900 đồng $\times 5\% = 3.036.795$ đồng (*Ba triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi năm đồng*), nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 1.518.397 đồng (*Một triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*) theo biên lai thu số 0004318 ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Văn X tiếp tục còn phải nộp là $3.036.795$ đồng $- 1.518.397$ đồng $= 1.518.398$ đồng (*Một triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Công N1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 1.260.125 đồng (*Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0004302 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công N1, bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/10/2025), còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia lai;
- VKSND Khu vực A - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn